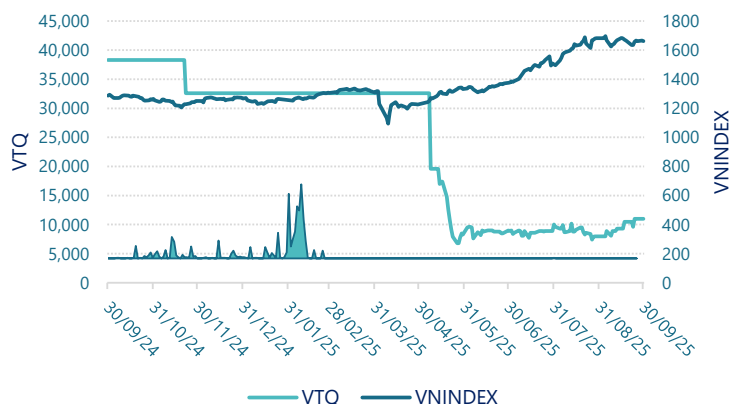


CTCP Việt Trung Quảng Bình (UPCOM: VTQ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
SL cổ phiếu LH	17,081,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	188
P/E	44.7
EPS	246

DT thuần

Q3/25

46.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.9 | 184%

YoY: ▼ 3.00 | -6.1%

LN sau thuế

Q3/25

7.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.54 | 976%

YoY: ▼ 3.39 | -32.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

17.6%

+/- YoY: ▼ 5.5%

DT thuần

9T 2025

72.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 11.9 | -14.2%

LN sau thuế

9T 2025

3.73

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.42 | 61.6%

ROE

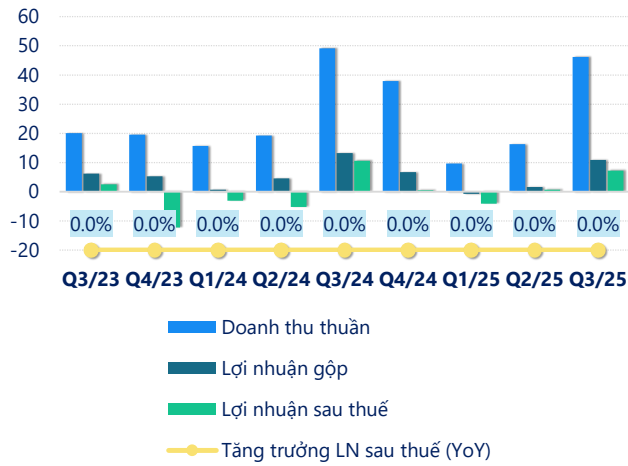
Q3/25

3.3%

+/- YoY: ▲ 10.6%

tỷ VNĐ

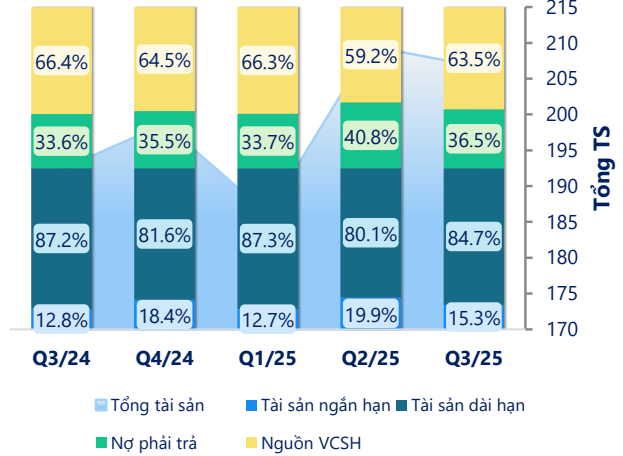
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

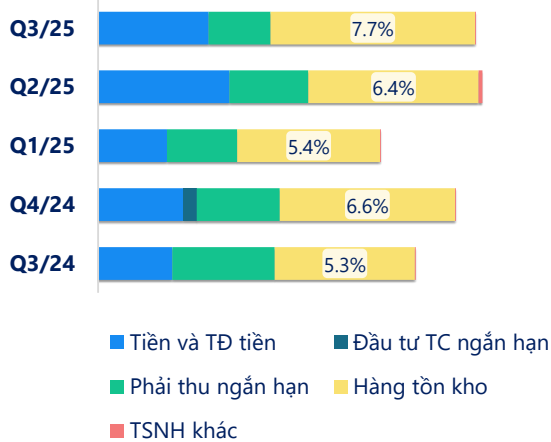
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



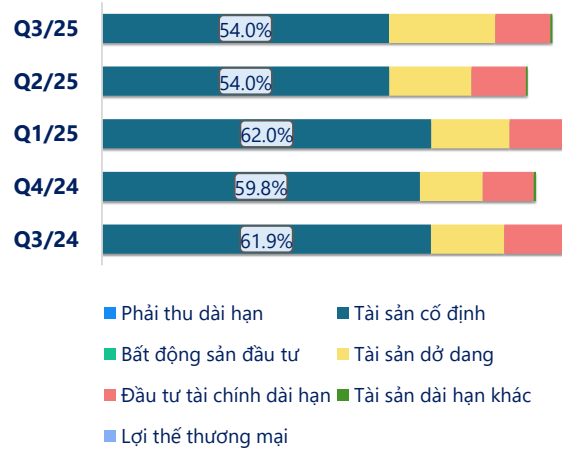
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

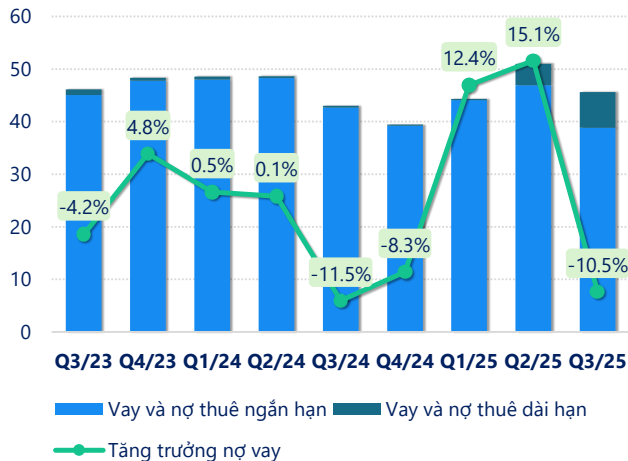
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

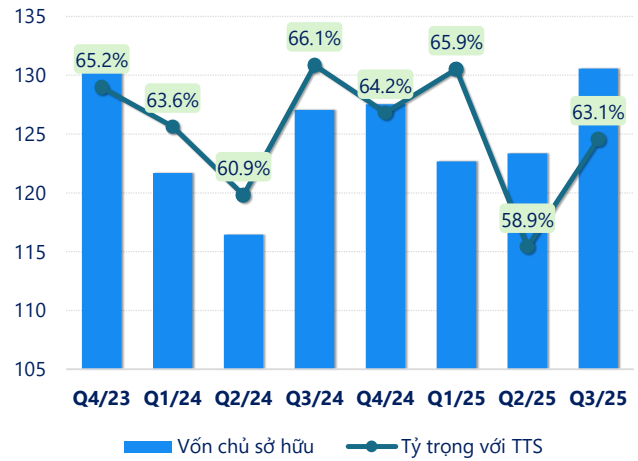
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

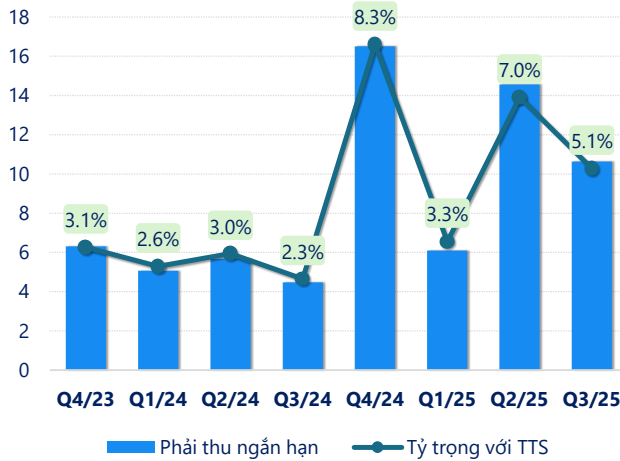
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



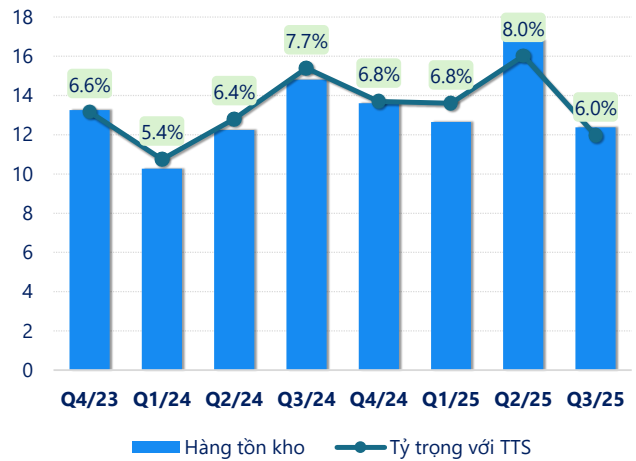
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


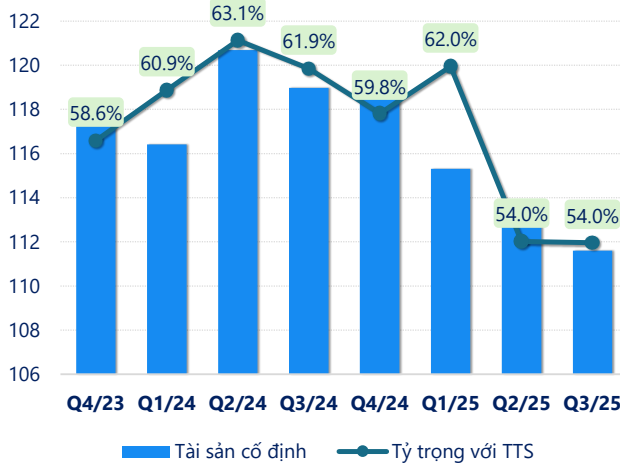
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


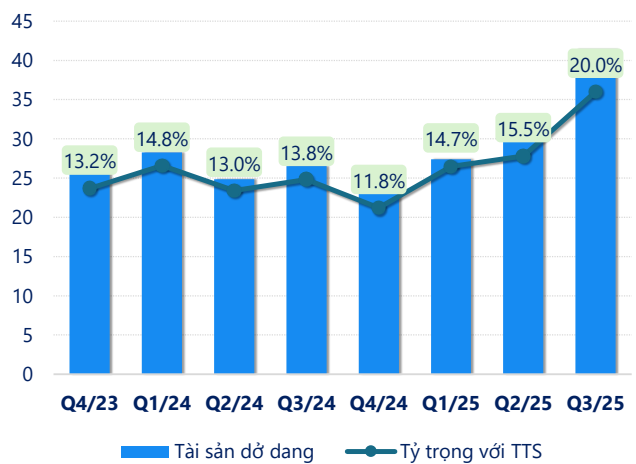
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

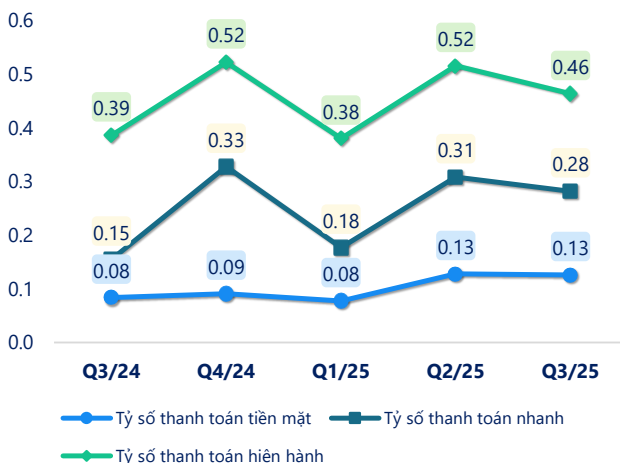
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

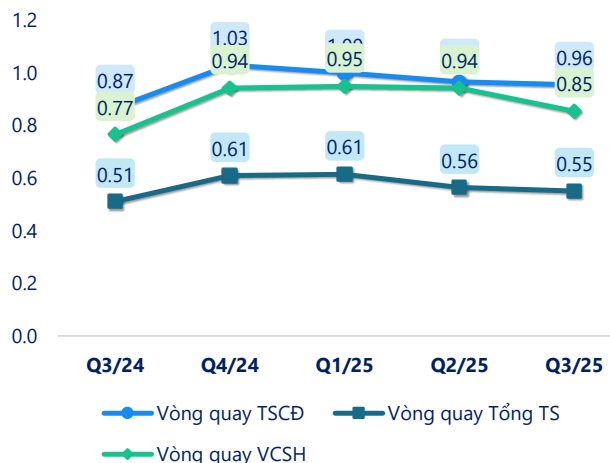
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	192	199	186	210	207
Tài sản ngắn hạn	24.7	36.5	23.7	41.7	31.6
Tiền và tương đương tiền	5.36	6.38	4.82	10.4	8.60
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	4.47	16.5	6.10	14.6	10.6
Hàng tồn kho	14.8	13.6	12.7	16.8	12.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	0.05	0.10	0.03	0.01
Tài sản dài hạn	168	162	162	168	175
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	119	119	115	113	112
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	26.5	23.4	27.4	32.4	41.4
Đầu tư tài chính dài hạn	21.1	19.0	19.0	21.5	21.5
Tài sản dài hạn khác	1.03	0.87	0.74	0.77	0.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	64.6	70.5	62.8	85.5	75.6
Nợ ngắn hạn	64.0	70.0	62.3	81.0	68.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.7	39.2	44.1	46.9	38.8
Phải trả người bán ngắn hạn	6.00	14.6	5.89	17.4	9.75
Nợ dài hạn	0.61	0.49	0.49	4.54	7.32
Vay và nợ thuê dài hạn	0.31	0.19	0.19	4.05	6.83
Nguồn vốn chủ sở hữu	128	128	123	124	131
Vốn chủ sở hữu	127	128	123	123	131
Vốn điều lệ	171	171	171	171	171
Kinh phí và quỹ khác	0.68	0.68	0.68	0.68	0.68

(Nguồn: fireant.vn)